

Bản án số: /2020/HS-ST
Ngày 16/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG -THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Miến.

Bà Nguyễn Thị Xuân Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo – Cán bộ Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên
tòa:*** Bà Phạm Thị Lan Anh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Đồng Văn S, sinh năm 1959 tại Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/10; Nơi ĐKNKTT: Xóm IV, xã K, T, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Không xác định; Con ông Đồng Văn Q (đã chết) và con bà Hà Thị P (đã chết); Có vợ là Hà Thị T và có 04 con (con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1998); Tiền án: Có 03 tiền án chưa được xóa án tích: Bản án số 451 ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 34 tháng tù tội trộm cắp tài sản (tại Bản án số 55 ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm- chưa xóa án tích); Bản án số 171 ngày 16/7/2013 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 48 tháng tù tội trộm cắp tài sản, chưa xóa án tích; Ngày 27/4/2017, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Hà Nội xử phạt 36 tháng tù tội trộm cắp tài sản (tại Bản án số 473 ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm- chưa xóa án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ năm 1972 đến năm 2001 có 15 tiền sự về các hành vi Trộm cắp tài sản của công dân, Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân, bị lập danh chỉ bản đưa đi trường Phổ thông công nông nghiệp, đưa vào cơ sở giáo dục; Có 06 tiền án đã được xóa án tích: Ngày 04/02/1982, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 30 tháng tù tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa. Ngày 19/03/1990, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử 15

tháng tù tội trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 04/02/1994, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 12 tháng tù tội trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 8/8/1995, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù tội trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 26/02/2004, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt 12 tháng tù tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/9/2006, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù tội Trộm cắp tài sản (theo Danh chỉ bản số 89 lập ngày 31/12/2019 tại Công an quận Hai Bà Trưng, Hà Nội). Bị cáo bị bắt quả tang vào ngày 30/12/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Mai Thu T, sinh năm 1989.

Trú tại: Số II ngõ Q, phường L, quận H, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 30/12/2019, Đồng Văn S thuê Đặng Văn C (sinh năm 1983, trú tại: Xóm VII, xã x, huyện T, tỉnh Thái Bình) là người lái xe ô tô chở đi từ đường Giải Phóng, Hà Nội qua nhiều tuyến phố thuộc địa bàn thành phố Hà Nội mục đích để S trộm cắp tài sản. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày khi đi đến cây xăng Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, thấy S yêu cầu chở đi lòng vòng không đến địa điểm cụ thể nên C đã dừng xe yêu cầu S trả tiền. S bảo C đợi dưới lòng đường để gọi điện cho người thân, sau đó S đi bộ vào cây xăng. Tại đây, S nhìn thấy trong túi áo khoác của chị Mai Thu T (sinh năm 1989, trú tại: Số II ngõ Q, phường L, quận H, Hà Nội đang đứng chờ đỗ xăng) có 01 chiếc điện thoại di động thò ra ngoài. Lợi dụng sơ hở, S áp sát bên phải người chị T và dùng tay phải rút lấy chiếc điện thoại thì bị chị T phát hiện hô hoán. S bỏ chạy ra chỗ xe máy của C bảo C chở đi về hướng Võ Thị Sáu. Khi đi được khoảng 3m thì xe máy của C va chạm với xe máy của người dân đi đường làm xe bị đổ. S liền ném chiếc điện thoại vừa lấy trộm được xuống đất rồi bỏ chạy nhưng bị người dân đi đường phối hợp với tổ công tác công an phường Thanh Nhân đang làm nhiệm vụ ở khu vực đó bắt giữ đưa S, C về trụ sở. Thu giữ của S 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 điện thoại di động Iphone 7 plus đã qua sử dụng, thu giữ của C 01 xe máy Honda Wave BKS 29C1- 824xx và 01 chiếc áo khoác gió màu xanh in chữ Grab, 01 mũ bảo hiểm màu xanh in chữ Grab.

Tại Cơ quan điều tra, Đồng Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với Đặng Văn C quá trình điều tra xác định C không biết mục đích của S khi thuê xe ô tô là chở đi trộm cắp tài sản, không tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức nên Cơ quan CSĐT công an quận Hai Bà Trưng không đặt vấn đề xử lý C trong vụ án này là có căn cứ.

Đối với xe máy Honda Wave BKS 29C1- 824xx màu xanh đen. Qua xác minh, xe có số khung: 3913KY317662, số máy JA39E1181344 là nguyên thủy, không nằm trong dữ liệu xe tang vật. Chủ sở hữu hợp pháp là của chị Nguyễn Thị N. Ngày 30/12/2019 chị cho anh rề là Đặng Văn C mượn để làm xe ô tô. Ngày

28/03/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Hai Bà Trưng đã trao trả cho chị N chiếc xe máy trên, chị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chiếc áo khoác gió màu xanh in chữ Grab và 01 mũ bảo hiểm màu xanh in chữ Grab là tài sản cá nhân của Đặng Văn C không liên quan đến hành vi phạm tội của S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Hai Bà Trưng đã trao trả lại cho Đặng Văn C.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL-HĐĐGTS ngày 12/02/2020 kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 7 plus số IMEL: 359171079731077 trị giá 6.100.000đ (*Sáu triệu một trăm ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 20/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố bị cáo Đồng Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Đồng Văn S giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Đồng Văn S từ 30 – 36 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

- Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại: Chị Mai Thu T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy tại cơ quan điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ, người bị hại đã có lời khai rõ ràng, đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi

thường dân sự. S vắng mặt của người bị hại không làm ảnh hưởng đến việc xét xử và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người bị hại. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại theo thủ tục chung.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 30/12/2019, tại khu cây xăng Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, lợi dụng sơ hở của người có tài sản, Đồng Văn S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Mai Thu T 01 điện thoại di động Iphone 7 plus có trị giá 6.100.000đ (*Sáu triệu một trăm ngàn đồng*). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[4] Về nhân thân: Từ năm 1972 đến năm 2001, bị cáo đã có 15 tiền sự về các hành vi Trộm cắp tài sản của công dân, Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân, bị lập danh chỉ bản đưa đi trường Phổ thông công nông nghiệp, đưa vào cơ sở giáo dục (đã hết thời hiệu); 09 tiền án về tội trộm cắp tài sản, trong đó có 03 tiền án chưa được xóa: Ngày 31/8/2009, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 34 tháng tù tội trộm cắp tài sản, chưa xóa án tích; Ngày 16/07/2013, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 48 tháng tù tội trộm cắp tài sản, chưa xóa án tích; Ngày 27/4/2017, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Hà Nội xử phạt 36 tháng tù tội trộm cắp tài sản. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình lo lắng cho nhân dân. Bị cáo đã được cơ quan pháp luật cải tạo giáo dục nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen thu giữ của Đồng Văn S. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về phần dân sự: Người bị hại chị Mai Thu T đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Đồng Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Đồng Văn S **30** (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đồng Văn S.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Đồng Văn S 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng có số imei là 357698101667657.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 14/4/2020)

4. Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xét.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Đồng Văn S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)